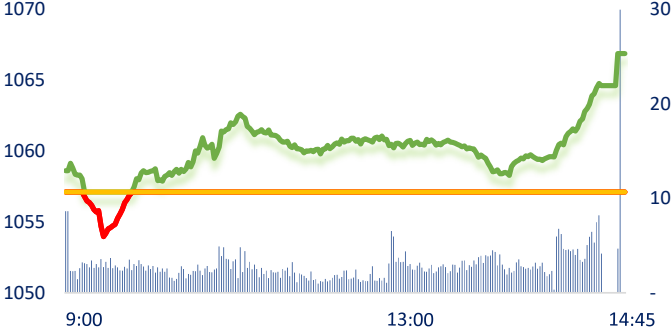
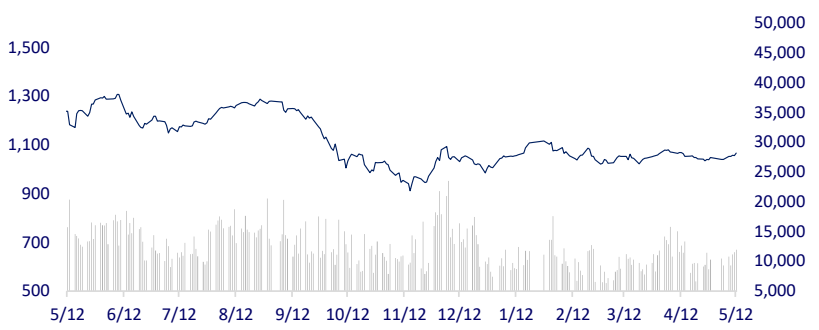


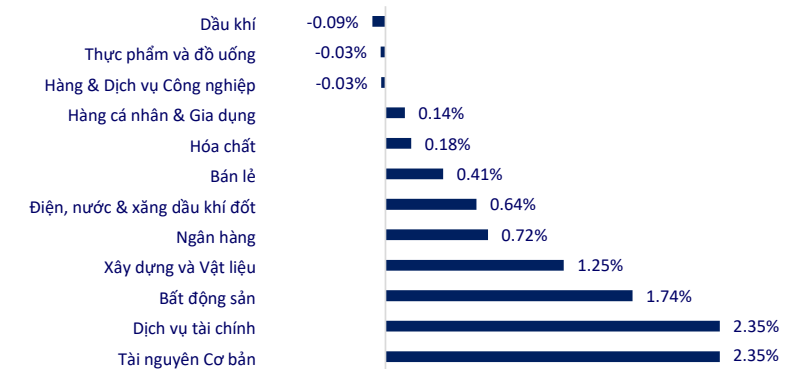
TTCK VIỆT NAM

		1D	YTD
VN-INDEX	1,066.90	0.93%	5.94%
VN30	1,066.44	1.09%	6.09%
HNX	215.10	0.32%	4.77%
UPCOM	80.05	1.16%	11.72%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	5.37		
Tổng GTGD (tỷ)	14,128.82	0.76%	63.98%

VNIndex có dấu hiệu giảm điểm nhẹ đầu phiên nhưng đã nhanh chóng hồi phục trở lại và đóng cửa tại mức cao nhất trong phiên. Nhóm ngành Thép tăng mạnh nhất trong phiên giao dịch hôm nay với sự tăng đều ở các đại diện như HPG (+2.8%), HSG (+1.2%), NKG (+1.3%), TLH (+6.3%), VGS (+2.7%) ...

INTRADAY VNINDEX

VNINDEX (1Y)

ETF & PHÁI SINH

		1D	YTD
E1VFN30	18,160	0.94%	4.79%
FUEMAV30	12,580	1.04%	5.54%
FUESSV30	12,920	0.00%	3.53%
FUESSV50	16,000	1.27%	13.88%
FUESSVFL	16,200	0.37%	12.89%
FUEVFN30	22,310	0.22%	-0.40%
FUEVN100	13,500	0.37%	4.25%
VN30F2312	1,057	1.09%	
VN30F2309	1,057	1.03%	
VN30F2306	1,060	0.96%	
VN30F2305	1,065	1.26%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
Nikkei	29,388.30	0.90%	12.62%
Shanghai	3,272.36	-1.12%	5.93%
Kospi	2,475.42	-0.63%	10.69%
Hang Seng	19,627.24	-0.59%	-0.78%
STI (Singapore)	3,208.55	-0.65%	-1.32%
SET (Thái Lan)	1561.35	-0.39%	-6.53%
Dầu Brent (\$/thùng)	71.17	-5.13%	-17.16%
Vàng (\$/ounce)	2,011.15	-0.36%	10.13%

Các thị trường chứng khoán châu Á tiếp tục lên xuống trong một phạm vi hẹp tại phiên giao dịch chiều 12/5, trong bối cảnh không có nhiều thông tin tích cực từ thị trường Mỹ và Trung Quốc.

KINH TẾ VĨ MÔ

		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.91%	13	-6
Lãi suất tiết kiệm 12T	7.20%	0	-20
TPCP - 5 năm	2.86%	-4	-193
TPCP - 10 năm	3.04%	-6	-186
USD/VND	23,670	0.11%	-0.38%
EUR/VND	26,042	-1.21%	1.49%
CNY/VND	3,446	-0.06%	-1.12%

Hôm qua (11/5), trên kênh cầm cố, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chào thầu ở hai kỳ hạn 07 ngày và 28 ngày, khối lượng 10.000 tỷ đồng/ kỳ hạn đều với lãi suất 5,0%. Không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn; có 11.955,73 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có đáo hạn.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
SED	5/12/2023	5/15/2023	6/23/2023	Tiền mặt		1,500
PHN	5/12/2023	5/15/2023	5/25/2023	Tiền mặt		1,000
PTD	5/12/2023	5/15/2023	5/25/2023	Tiền mặt		1,000
VIP	5/12/2023	5/15/2023	5/31/2023	Tiền mặt		1,200
VNS	5/15/2023	5/16/2023	5/26/2023	Tiền mặt		800
VCI	5/15/2023	5/16/2023	6/6/2023	Tiền mặt		500
LBM	5/15/2023	5/16/2023	5/31/2023	Tiền mặt		1,000
CLH	5/16/2023	5/17/2023	5/30/2023	Tiền mặt		2,300

TIN TỨC CHỌN LỌC

Trung Quốc nhập khẩu tôm kỷ lục trong quý 1, nhưng lượng nhập từ Việt Nam giảm mạnh;

Triển khai gói 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội;

Thống đốc: NHNN sẽ cân nhắc giảm lãi suất điều hành;

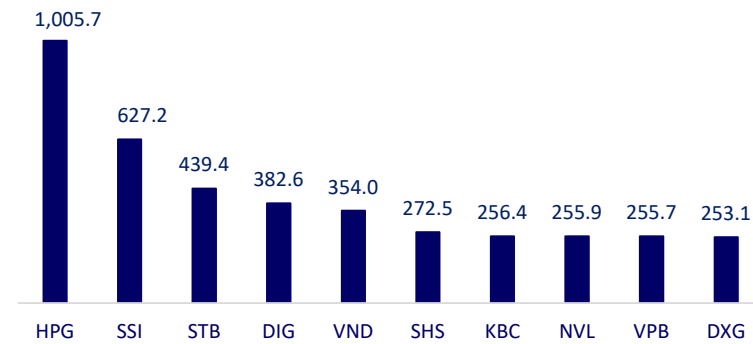
Ngân hàng Trung ương Anh tăng lãi suất lên mức cao nhất trong 15 năm;

Nga không rơi vào thảm họa kinh tế, sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực;

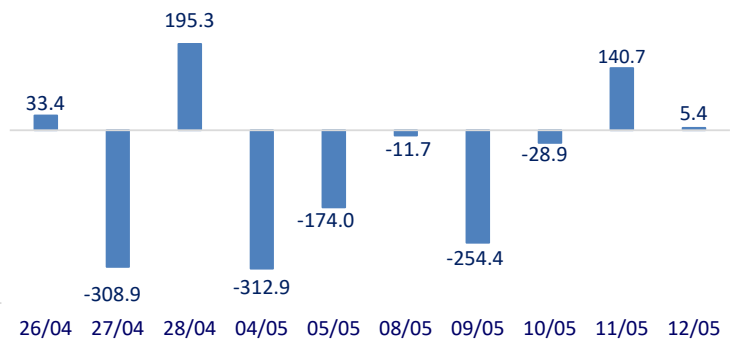
Người Mỹ bất đồng việc có nên để đất nước vỡ nợ.

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	92,800	1.98%	3.34%	1,046,216	1,114,280	Theo biểu lãi suất niêm yết mới nhất áp dụng từ ngày 12/5 của VPBank, lãi suất áp dụng cho các kỳ hạn trên 12 tháng đã đồng loạt giảm 0,2 điểm %. Trong đó, lãi suất cao nhất áp dụng cho kỳ hạn 12 – 13 chỉ còn 8%/năm, kỳ hạn 15 – 36 tháng giảm về 7,2%/năm. TPBank cũng giảm 0,1 - 0,2 điểm % lãi suất huy động tại các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Hiện mức lãi suất cao nhất đang được TPBank áp dụng là 7,8%, dành cho khách gửi tiền online.
BID	45,000	0.00%	3.57%	956,684	960,603	
CTG	28,400	0.18%	1.97%	6,405,301	6,544,640	
TCB	29,300	0.69%	2.09%	5,056,872	5,169,143	
VPB	19,750	-0.25%	1.54%	11,859,363	17,778,615	
MBB	18,650	0.81%	3.04%	14,829,599	15,024,516	
HDB	19,400	1.04%	1.84%	2,883,338	3,362,845	
TPB	23,550	-0.21%	0.86%	3,445,492	4,509,552	
STB	26,800	1.52%	7.41%	40,368,064	35,996,627	
VIB	20,500	-0.24%	1.74%	7,829,002	8,915,552	
ACB	25,000	0.40%	1.42%	4,399,542	5,561,841	
NVL	13,700	-0.72%	1.11%	28,674,853	43,656,663	NVL: Novaland đang gặp nhiều khó khăn với những khoản nợ vay khổng lồ. Nợ phải trả tại cuối quý I là 211.787 tỷ đồng, gấp 4,8 lần vốn chủ sở hữu.
BCM	77,500	0.00%	-0.51%	125,462	191,214	
PDR	17,950	0.00%	3.33%	11,359,929	14,427,685	
GAS	92,500	0.33%	0.65%	786,636	528,043	PLX: Nhờ khoản doanh thu tài chính tăng 60% so với cùng kỳ lên 513 tỷ đồng do tăng khoản lãi chênh lệch tỷ giá (281 tỷ đồng), lợi nhuận ròng của Petrolimex đạt 620 tỷ đồng, tăng 155% Q1.2023
POW	13,400	0.75%	2.68%	10,699,852	14,092,243	
PLX	37,550	-0.53%	-0.66%	986,301	1,178,654	
VIC	51,700	2.38%	1.97%	3,641,636	4,357,864	VIC: VinFast báo cáo doanh số bán hàng tháng 4 với những số liệu khởi sắc. Cụ thể, hãng xe Việt đã bán được tổng cộng 3.798 chiếc xe điện, tăng gấp hơn 4 lần so với tháng 3 (915 xe).
VHM	51,200	4.17%	4.49%	2,424,080	2,072,164	
VRE	28,150	0.36%	3.68%	5,083,446	5,491,056	
VNM	69,600	-0.57%	1.16%	2,141,972	1,996,781	SAB: SAB sẽ chia bổ sung cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 15%, nâng tổng tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 lên 50%. Ngoài ra, cổ đông SAB sẽ được nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1.
MSN	74,400	0.81%	1.92%	781,103	1,054,418	
SAB	163,900	-0.36%	-0.97%	244,416	284,668	
BVH	46,000	0.66%	0.22%	1,537,709	939,571	BVH: Hoạt động kinh doanh bảo hiểm lỗ nhưng lợi nhuận tài chính tăng 23% và lợi nhuận công ty liên kết gấp 2.6 lần cùng kỳ đã giúp lợi nhuận ròng của BVH tăng 10% trong quý 1/2023, đạt hơn 528 tỷ đồng.
VJC	97,200	0.52%	1.25%	487,911	462,303	
FPT	80,500	1.77%	2.68%	2,413,922	1,759,777	
MWG	39,000	0.78%	3.17%	3,426,262	3,835,498	
GVR	16,800	0.60%	8.39%	8,762,044	8,977,064	
SSI	23,250	3.79%	8.39%	52,059,352	45,191,449	
HPG	22,350	2.76%	4.20%	79,132,185	80,336,839	

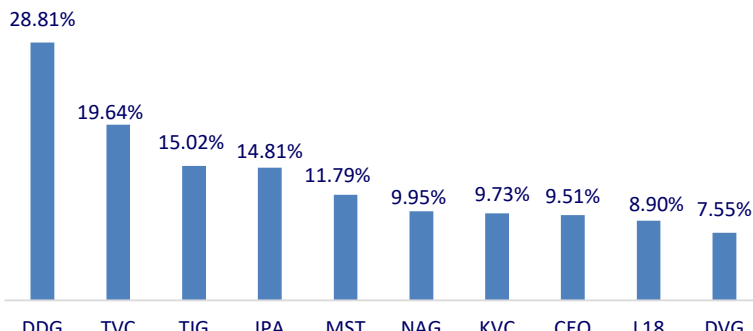
Top CP có tổng giá trị giao dịch cao nhất (tỷ đồng)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên có thanh khoản



Top giảm 3 phiên có thanh khoản

